

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hạnh

2. Ông Lê Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1985; Thường trú: Số C đường số T, tổ H, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi ở hiện nay: Đường Đ, tổ M, thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Đinh Quốc C, sinh năm 1980; Thường trú: Số C đường số T, tổ H, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị D, anh C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Đinh Quốc C tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 06 tháng thì năm 2006 về chung sống với nhau, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2010 ngày 01/6/2010.

Khi về chung sống, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng, địa chỉ xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, đến năm 2011 thì vợ chồng xây dựng nhà riêng và ở tại Số C đường số T, tổ H, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C có mối quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, về nhà thì lạnh nhạt với chị D. Anh C đi làm có tiền nhưng không đưa cho chị D để chăm lo cho gia đình mà cất giữ cho riêng bản thân anh. Thời gian gần đây khi anh C đi uống rượu bên ngoài về thì gây gỗ rồi đánh chị D. Nhiều lần anh C đổ xăng trong nhà dọa đốt nhà tuy nhiên anh C không thực hiện hành vi đó. Trong giai đoạn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh C thường về kiểm soát gây sự với chị D, đập phá đồ đạc. Hơn 06 tháng nay, chị D đi làm công nhân và ở trọ tại huyện X, tỉnh Đồng Nai, do đó vợ chồng cũng ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị D yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Quốc C.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thị Mỹ H, sinh ngày 08/5/2006 và Đinh Gia B, sinh ngày 25/11/2012. Tại đơn khởi kiện, chị D yêu cầu giao 02 con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại buổi làm việc ngày 05/8/2022, chị D thay đổi yêu cầu như sau: Về con chung: Khi ly hôn, chị D yêu cầu giao con chung tên Đinh Thị Mỹ H, sinh ngày 08/5/2006 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Gia B, sinh ngày 25/11/2012. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đinh Quốc C đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh C không đến Tòa án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngày 19/8/2022, anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Ngày 02/8/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Phạm Thị D và anh Đinh Quốc C tại địa phương và được cung cấp: Chị D và anh C là vợ chồng, sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có cãi vã gì để địa phương can thiệp. Tuy nhiên, chị D có ghen tuông dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Vợ chồng có 02 con chung. Hiện nay, chị D đã về xã N sinh sống hơn 01 năm nay, anh C vẫn ở tại địa phương cùng hai con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên, ngày

19/8/2022, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Vợ chồng chị D, anh C kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D, anh C đã trầm trọng thể hiện ở việc hơn 06 tháng qua, chị D đã không còn chung sống với anh C, vợ chồng không còn quan tâm, cùng nhau chăm sóc con chung. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của chị D, anh C không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị D yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thị Mỹ H, sinh ngày 08/5/2006 và Đinh Gia B, sinh ngày 25/11/2012, chị D yêu cầu giao con chung tên Đinh Thị Mỹ H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Gia B. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu này là phù hợp; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Đinh Quốc C có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì năm 2006 về chung sống với nhau, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2010 ngày 01/6/2010, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, chị Phạm Thị D cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C có mối quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, về nhà thì lạnh nhạt với chị D. Anh C đi làm có tiền nhưng không đưa cho chị D để chăm lo cho gia đình mà cất giữ cho riêng bản thân anh. Thời gian gần đây khi anh C đi uống rượu bên ngoài về thì gây gổ rồi đánh chị D. Nhiều lần anh C đổ xăng trong nhà dọa đốt nhà tuy nhiên anh C không thực hiện hành vi đó. Trong giai đoạn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh C thường về kiểm soát gây sự với chị D, đập phá đồ đạc. Hơn 06 tháng nay, vợ chồng anh, chị ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị D yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Quốc C.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Đinh Quốc C đến làm việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C không có mặt. Bên cạnh đó, chị Phạm Thị D cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Đinh Quốc C. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Đinh Quốc C bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị D và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Phạm Thị D.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thị Mỹ H, sinh ngày 08/5/2006 và Đinh Gia B, sinh ngày 25/11/2012. Trong quá trình tổ tụng, Tòa án nhiều lần triệu tập anh C đến làm việc nhưng anh C không đến, không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Theo nguyện vọng của 02 cháu Đinh Thị Mỹ H và Đinh Gia B, khi cha mẹ ly hôn cháu Hương muốn sống cùng với anh C, cháu Bảo muốn sống cùng với chị D. Nhận thấy, yêu cầu của chị D về việc giao con chung tên Đinh Thị Mỹ H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Gia B là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Phạm Thị D đối với anh Đinh Quốc C. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D đối với anh Đinh Quốc C về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Đinh Quốc C.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đinh Gia B, sinh ngày 25/11/2012. Giao cho anh Đinh Quốc C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đinh Thị Mỹ H, sinh ngày 08/5/2006.

Sau ly hôn, chị Phạm Thị D và anh Đinh Quốc C đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp người nào lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc người kia nuôi con thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009199 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Phạm Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung